

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3
HYDRO POWER JOINT STOCK
COMPANY - POWER NO.3**

Số: 250 -VB/PC3HP.Co-NV
No.: 250 -VB/ PC3HP.Co-NV

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Đăk Nông, ngày 03 tháng 04 năm 2025
DakNong, April 03, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

To:

- *Vietnam Exchange;*
- *Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3/
Hydro Power Joint Stock Company - Power No.3

- Mã chứng khoán / *Stock code*: DRL

- Địa chỉ/*Address*: Thôn Nhà Đền, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông / *Nha Den Village, Ea Po Commune, Cu Jut District, Dak Nong Province.*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 02613 684 888; Fax: 02613 684 666

- E-mail: thuydiendl3@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

- Nghị quyết số 22 - NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ, ngày 03/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3;

- *Resolution No. 22 - NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ, dated April 3, 2025 of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Hydro Power Joint Stock Company - Power No. 3;*

- Biên bản số 21 - BB/PC3HP.Co-ĐHCĐ, ngày 03/04/2025 của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3;

- *Minutes No. 21 - BB/PC3HP.Co-ĐHCĐ, dated April 3, 2025 of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Hydro Power Joint Stock Company - Power No. 3;*

- Các Báo cáo đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua.

- *Reports approved by the 2025 Annual General Meeting of Shareholders*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày **03/04/2025** tại đường dẫn <http://pc3hp.com.vn/quan-he-co-dong> /*This information was published on the company's website on 03/04/2025, as in the link: http://pc3hp.com.vn/quan-he-co-dong.*



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Nghị quyết đính kèm;
- Resolution attached;

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



GIAM ĐỐC
Lê Văn Ánh



**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN - NĂM 2025**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3;

Căn cứ Biên bản họp số 21 - BB/PC3HP.Co-ĐHCD ngày 03/04/2025 của ĐHĐCD thường niên năm 2025 ;

Ngày 03/04/2025, tại Hội trường Victoria 3, Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê, số 01-03 Phan Chu Trinh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

Đại hội đồng cổ đông thường niên - năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 được tổ chức với sự tham dự và ủy quyền của 139 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu: 5.022.047 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 52,86% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, trong đó số cổ đông tham gia trực tiếp là 67 cổ đông.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên - năm 2025 Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 15 Điều lệ Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3 quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty.

ĐHĐCD thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam, ký ngày 06 tháng 03 năm 2025.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc về tình hình hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.

Điều 3. Thông qua Báo cáo về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và phương hướng năm 2025.

Điều 4. Thông qua báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch công tác năm 2025.

Điều 5. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

5.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	% TH năm 2024 so với KH 2024
	A	B	(1)	(2)	(2)/(1)
I	Tổng sản lượng điện thương phẩm	kWh	75.000.000	75.637.224	100,85
	<i>NMTĐ Dráy H'Linh 2</i>	<i>kWh</i>	<i>75.000.000</i>	<i>75.637.224</i>	<i>100,85</i>
II	Tổng doanh thu	đồng	96.727.198.000	94.783.248.114	97,99
1	Doanh thu SXKD:	đồng	93.347.198.000	91.341.413.148	97,85
	<i>NMTĐ Dráy H'Linh 2</i>	<i>đồng</i>	<i>93.347.198.000</i>	<i>91.341.413.148</i>	<i>97,85</i>
	<i>Giá bán điện bình quân</i>	<i>đồng/kWh</i>	<i>1.097</i>	<i>1.058</i>	<i>96,44</i>
2	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	3.380.000.000	3.441.834.966	101,83
3	Doanh thu khác và thu nhập khác	đồng	-	-	-
III	Tổng chi phí	đồng	45.005.004.000	38.656.080.657	85,89
1	Giá vốn hàng bán	đồng	37.867.677.000	31.932.945.087	84,33
2	Chi phí tài chính	đồng	-	-	-
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	đồng	7.137.327.000	6.723.135.570	94,20
4	Chi phí khác	đồng	-	-	-
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	51.722.194.000	56.127.167.457	108,52
1	Tổng lợi nhuận không bao gồm chênh lệch tỷ giá (CLTG)	đồng	51.722.194.000	56.127.167.457	108,52
1.1	<i>Lợi nhuận SXKD chính (không bao gồm CLTG)</i>	<i>đồng</i>	<i>48.342.194.000</i>	<i>52.685.332.491</i>	<i>108,98</i>
1.2	<i>Lợi nhuận hoạt động tài chính</i>	<i>đồng</i>	<i>3.380.000.000</i>	<i>3.441.834.966</i>	<i>101,83</i>
1.3	<i>Lợi nhuận khác</i>	<i>đồng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
2	Lãi/lỗ CLTG (nếu có)	đồng	-	-	-
V	Thuế TNDN	đồng	10.344.439.000	11.364.740.423	109,86
VI	Lợi nhuận sau thuế	đồng	41.377.755.000	44.762.427.034	108,18
VII	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	%	35,27	38,80	110,01
VIII	Cổ tức	%	40,00	43,88	109,70

5.2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

STT	Nội dung	Thuyết minh	Giá trị	Ghi chú
I	Tổng lợi nhuận phân phối	(I1)+(I2)+(I3)+(I4)	49.984.630.013	
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN		44.762.427.034	
2	Lợi nhuận để lại các năm trước		69.910.780	
3	Vốn khác của CSH hoàn nhập LN		1.462.308.448	
4	Quỹ đầu tư phát triển hoàn nhập LN		3.689.983.751	
II	Phương án phân phối lợi nhuận	(I)=(II)	49.984.630.013	
1	Quỹ Đầu tư phát triển		-	
2	Quỹ Khen thưởng phúc lợi		2.759.806.666	
3	Quỹ thưởng NQL, KSV		311.895.830	
4	Cổ tức		46.550.000.000	
	(Cổ tức đã tạm ứng năm 2024)			
	Đợt 1 năm 2024 (20%)		19.000.000.000	
	Đợt 2 năm 2024 (10%)		9.500.000.000	
	Còn lại năm 2024 (19%)		18.050.000.000	Cổ tức còn lại 2024 sẽ chi trả trong năm 2025: 19%
5	Lợi nhuận để lại chuyển năm sau	(I-II.1-II.2-II.3-II.4)	362.927.517	

Cổ tức được chi trả bằng tiền.

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 ủy quyền cho HĐQT Công ty chọn thời điểm thích hợp chốt danh sách cổ đông và triển khai việc chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2024 chưa chi cho cổ đông của công ty, tương ứng với tỷ lệ là **19,00%** (tương ứng với số tiền: **18.050.000.000** đồng - Mười tám tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Điều 6. Thông qua Kế hoạch Tài chính - Sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

6.1. Các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2025:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ KH năm 2025 so với TH 2024	Ghi chú
I	Tổng sản lượng điện thương phẩm	kWh	75.300.000	75.637.224	99,55	
	NMTĐ Drây H'Linh 2	kWh	75.300.000	75.637.224	99,55	
II	Tổng doanh thu	đồng	97.844.659.600	94.783.248.114	103,23	
1	Doanh thu SXKD:	đồng	94.364.659.600	91.341.413.148	103,31	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ KH năm 2025 so với TH 2024	Ghi chú
1.1	NMTĐ Drây H'Linh 2	đồng	94.364.659.600	91.341.413.148	103,31	
1.2	Giá bán điện bình quân	đồng/kWh	1.098	1.058	103,78	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	3.480.000.000	3.441.834.966	101,11	
3	Doanh thu khác và thu nhập khác	đồng	-	-	-	
III	Tổng chi phí	đồng	41.653.315.600	38.656.080.657	107,75	Phụ lục I
1	Giá vốn hàng bán	đồng	35.097.282.600	31.932.945.087	109,91	
2	Chi phí tài chính	đồng	-	-	-	
	<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	<i>đồng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	đồng	6.556.033.000	6.723.135.570	97,51	
4	Chi phí khác	đồng	-	-	-	
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	56.191.344.000	56.127.167.457	100,11	
1	Tổng lợi nhuận không bao gồm chênh lệch tỷ giá (CLTG)	đồng	56.191.344.000	56.127.167.457	100,11	
1.1	<i>Lợi nhuận SXKD chính (không bao gồm CLTG)</i>	<i>đồng</i>	<i>52.711.344.000</i>	<i>52.685.332.491</i>	<i>100,05</i>	
1.2	<i>Lợi nhuận hoạt động tài chính</i>	<i>đồng</i>	<i>3.480.000.000</i>	<i>3.441.834.966</i>	<i>101,11</i>	
1.3	<i>Lợi nhuận khác</i>	<i>đồng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
2	Lãi/lỗ CLTG (nếu có)	đồng	-	-	-	
V	Thuế TNDN	đồng	11.238.269.000	11.364.740.423	98,89	
VI	Lợi nhuận sau thuế	đồng	44.953.075.000	44.762.427.034	100,43	
VII	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	%	39,64	38,80	102,16	
VIII	Cổ tức	%	44,00	43,88	100,27	

Tổng chi phí chi tiết theo **Phụ lục I** đính kèm

6.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: Không trích
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi của Người lao động: Vận dụng quy định tại khoản 1, điều 27 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025
- Trích quỹ thưởng Người quản lý, Kiểm soát viên: Vận dụng quy định tại khoản 2, điều 27 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025

- Tỷ lệ chia cổ tức: **44,00 %**

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ, lựa chọn thời điểm, phương thức tạm ứng cổ tức và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2025 cho cổ đông công ty.

Điều 7. Thông qua mức tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý năm 2024 và Kế hoạch lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý năm 2025:

7.1. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, BKS và người quản lý năm 2024:

Thống nhất thông qua mức tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người quản lý công ty trong năm 2024 chi tiết như sau:

TT	Chức vụ	Số người	Thù lao (TL) /Tiền lương (L) thực hiện năm 2024	
			Tháng (đồng/người)	Cả năm (đồng)
I	Hội đồng quản trị	5		1.186.310.640
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách (L)	1	39.958.340	479.500.080
2	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (L)	1	38.478.620	461.743.440
3	Thành viên HĐQT (TL)	3	6.807.420	245.067.120
II	Ban Kiểm soát	3		589.608.240
1	Trưởng BKS chuyên trách (L)	1	35.519.180	426.230.160
2	Kiểm soát viên (TL)	2	6.807.420	163.378.080
III	Ban Giám đốc	2		719.247.760
1	Phó Giám đốc (L)	1	34.038.280	408.459.360
2	Kế toán trưởng (L)	1	31.078.840	310.788.400
	Tổng cộng			2.495.166.640

7.2. Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, BKS năm 2025:

Thống nhất thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty năm 2025 chi tiết như sau:

TT	Chức vụ	Số người	Thù lao (TL) /Tiền lương (L) Kế hoạch năm 2025	
			Tháng (đồng/người)	Cả năm (đồng)
I	Hội đồng quản trị	5		1.202.400.000
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách (L)	1	40.500.000	486.000.000
2	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (L)	1	39.000.000	468.000.000

TT	Chức vụ	Số người	Thù lao (TL) /Tiền lương (L) Kế hoạch năm 2025	
			Tháng (đồng/người)	Cả năm (đồng)
3	Thành viên HĐQT (TL)	3	6.900.000	248.400.000
II	Ban Kiểm soát	3		367.200.000
1	Trưởng BKS chuyên trách (L)	1	36.000.000	144.000.000
2	Trưởng BKS (TL)	1	7.200.000	57.600.000
3	Kiểm soát viên (TL)	2	6.900.000	165.600.000
	Tổng cộng			1.569.600.000

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, Công ty sẽ thực hiện quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Người quản lý công ty năm 2025 vận dụng quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; Quy chế về công tác lao động và tiền lương trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

Điều 8. Thông qua thực hiện đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ năm 2024; Kế hoạch ĐTXD năm 2025.

Đơn vị tính: Đồng

STT	Danh mục	Thực hiện năm 2024	Ghi chú
I	Trả nợ gốc vay	0	
II	Đầu tư xây dựng	Chưa quyết toán	- Tổng mức: 4,10 tỷ đồng - Tổng giá trị HĐ xây lắp: 3,59 tỷ đồng
1	Dự án: Nhà ăn, nhà nghỉ ca cho công nhân * Quy mô dự kiến: - Phần xây dựng nhà cấp 4: 300m ² ; - Đường nội bộ và sân bê tông: 480m ² ; - Trang bị đầy đủ thiết bị và nội thất phòng nghỉ, phòng bếp và nhà ăn ca.	Công trình đã khởi công ngày 25/12/2024, hiện đang trong quá trình thi công xây dựng	Chuyển tiếp sang năm 2025
III	Mua sắm TSCĐ phục vụ SXKD	1.189.000.000	
1	Mua 01 xe ô tô 7 chỗ	1.189.000.000	
IV	Khác	45.500.000	
1	Mua sắm và lắp đặt hệ thống xử lý nước sinh hoạt tại Công ty	45.500.000	

Dự án ĐTXD dở dang năm 2024 được chuyển tiếp sang năm 2025 để tiếp tục thực hiện.

Điều 9. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2025.

Ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán sau phù hợp để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam;
4. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;
5. Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.

Điều 10. Thông qua việc thực hiện giao dịch với bên có liên quan.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3;

Căn cứ tình hình thực tế và điều kiện sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty;

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua giao dịch bán điện thương phẩm trong năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 cho Tổng Công ty Điện lực miền Trung theo Hợp đồng mua bán điện số 05/2011/Đrây H'Linh 2/EVN CPC-CF TĐ ĐL3, ngày 31/05/2011 với giá bán điện theo quy định về biểu giá chi phí tránh được năm 2025 theo quyết định số 3734/QĐ-BCT ngày 31/12/2024 của Bộ Công thương.

Điều 11. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 đối với ông Phan Thanh Sơn.**Điều 12. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 đối với bà Hoàng Thị Thu Trang và ông Lê Đức Ngọc.****Điều 13. Bầu cử 01 thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2025 - 2030:**

Thông qua danh sách các ứng cử viên tham gia bầu cử làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2030 (Xếp theo thứ tự ABC):

TT	Họ và tên	Ghi chú
1	Lê Văn Ánh	

Kết quả trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2025- 2030 như sau:
(Xếp theo thứ tự tỷ lệ phiếu bầu từ cao xuống thấp)

TT	Họ và tên	Kết quả bầu cử			
		Số phiếu bầu	Số cổ phần	Tỷ lệ	Kết quả
1	Lê Văn Ánh	5.017.047	5.022.047	99,90%	Trúng cử

Điều 14. Bầu cử 02 thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2025 - 2030 như sau:

Thông qua danh sách các ứng cử viên tham gia bầu cử làm thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030 (Xếp theo thứ tự ABC):

TT	Họ và tên	Ghi chú
1	Nguyễn Viết Pa Sa	
2	Phạm Viết Thiên	

Kết quả trúng cử thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2025- 2030 như sau:
(Xếp theo thứ tự tỷ lệ phiếu bầu từ cao xuống thấp)

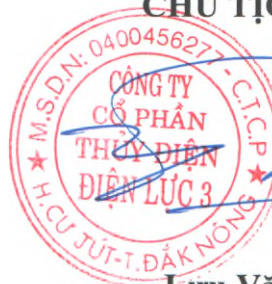
TT	Họ và tên	Kết quả bầu cử			
		Số phiếu bầu	Số cổ phần	Tỷ lệ	Kết quả
1	Nguyễn Viết Pa Sa	5.017.047	5.022.047	99,90%	Trúng cử
2	Phạm Viết Thiên	5.017.047	5.022.047	99,90%	Trúng cử

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 03/04/2025.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- UBCKNN, Sở GD&ĐTTPHCM; (để CBTT)
- Trung tâm Lưu ký CK;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Website: www.pc3hp.com.vn;
- Lưu: VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH HĐQT**



Lưu Văn Thuận

Phụ lục I: TỔNG KẾ HOẠCH CHI PHÍ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 22 - NQ/PC3HP.Co-ĐHCD, ngày 03/04/2025)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
1	Các khoản thuế, phí, lệ phí.	11.796.269.600	
1.1	Thuế môn bài	3.000.000	
1.2	Thuế tài nguyên nước	7.918.231.000	
1.3	Phí dịch vụ môi trường rừng	2.710.800.000	
1.4	Phí cấp quyền khai thác nước mặt	1.064.238.600	
1.5	Tiền thuê đất	100.000.000	
2	Tài sản cố định	2.580.000.000	
2.1	Chi phí khấu hao TSCĐ	2.580.000.000	
3	Công trình: SCL, bảo dưỡng và thí nghiệm định kỳ năm 2025 NMTĐ Đrây H'Linh 2	5.266.696.000	
3.1	Hạng mục: Thí nghiệm định kỳ NMTĐ Đrây H'Linh 2; Trạm biến áp định kỳ năm 2025 và sau bảo dưỡng, sửa chữa: - Tổng Giá trị khái toán: 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng)	800.000.000	
3.2	Hạng mục: SCL thiết bị chính, cửa vận hành và lưới chắn rác tổ máy H2 NMTĐ Đrây H'Linh 2 năm 2025: - Tổng giá trị dự toán: 4.471.100.000 đồng (Bốn tỷ, bốn trăm bảy mươi một triệu, một trăm nghìn đồng) - Thực hiện phân bổ chi phí trong 36 tháng	745.184.000	Năm thứ nhất dự kiến phân bổ 06 tháng
	Hạng mục: Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tổ máy H1 NMTĐ Đrây H'Linh 2 năm 2025: - Tổng giá trị dự toán: 885.400.000 đồng (Tám trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng)	885.400.000	
3.3	Hạng mục: Sửa chữa thay thế Gioăng P60 và sơn lại cửa van sửa chữa số 1; Cải tạo kho van sửa chữa NMTĐ Đrây H'Linh 2: - Tổng giá trị dự toán: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) - Thực hiện phân bổ chi phí trong 36 tháng	111.112.000	Có 2 cửa van van sửa chữa, Năm 2025 sửa chữa 0 cửa và 01 cửa sẽ thực hiện trong năm 2026. Phân bổ năm thứ nhất 8 tháng
3.4	Hạng mục: Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ thiết bị nâng NMTĐ Đrây H'Linh 2 năm 2025: - Tổng Giá trị khái toán: 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng)	210.000.000	

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
3.5	Hạng mục: Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ thiết bị phụ trợ NMTĐ Đrây H'Linh 2 năm 2024: - Tổng Giá trị khái toán: 380.000.000 đồng (<i>Ba trăm tám mươi triệu đồng</i>)	380.000.000	
3.6	Hạng mục: Bảo dưỡng đường dây 35kV NMTĐ Đrây H'Linh 2 định kỳ năm 2025	45.000.000	
3.7	Hạng mục: Bảo dưỡng hệ thống Scada của NMTĐ Đrây H'Linh2	70.000.000	
3.8	Hạng mục: Nạo vét kênh, bể áp lực, cửa nhận nước và sửa phao chắn rác	350.000.000	
3.9	Hạng mục: Nâng cấp hệ thống điều tốc tổ máy H1 NMTĐ Đrây H'Linh 2	1.300.000.000	Năm 2024 triển khai nhưng không lựa chọn được nhà thầu
3.10	Phục hồi ổ Tuabin (ổ dự phòng đã qua sử dụng)	250.000.000	
3.11	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên: (4 quý x 30 triệu đồng/quý)	120.000.000	
4	Vật tư thiết bị dự phòng, dụng cụ phục vụ sản xuất	424.700.000	
4.1	Chi phí NVL (xăng, dầu máy các loại)	80.000.000	
	- Dầu tuabin X46 (Quý I: 190 lít; Quý II: 190 lít; Quý III: 190 lít; Quý IV: 190 lít)	53.200.000	
	- Dầu máy nén khí các loại (theo thực tế vận hành năm 2024)	18.000.000	
	- Xăng vận hành máy phát điện, máy bơm nước dự phòng	8.800.000	
4.2	Vật tư thiết bị phục vụ thay thế và dự phòng	210.000.000	
	Cảm biến Bánh xe công tác (2 cái x 6.000.000 đồng)	12.000.000	
	Cảm biến cánh hướng (1 cái x 8.000.000 đồng)	8.000.000	
	Thyristor ABB 5STP06D2800 (6 bộ x 2.000.000 đồng)	12.000.000	
	Đồng hồ áp lực MPM484	30.000.000	
	Đồng hồ hiển thị, điều khiển WP-C814 (2 bộ x 10.500.000 đồng)	21.000.000	
	Bộ lọc của máy lọc dầu (1 bộ x 15.000.000 đồng)	15.000.000	
	Bộ lọc máy nén khí hạ áp (8 bộ x 2.000.000 đồng)	16.000.000	
	Ổ bi các loại	40.000.000	
	Vật tư phụ các loại	56.000.000	

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
4.6	Công cụ, dụng cụ cơ khí, điện	134.700.000	
	- Cầu trục đẩy tay 1 tấn	14.000.000	
	- Tời điện đa năng + dây xích móc	15.700.000	
	- Palăng xích kéo tay 5 tấn	4.500.000	
	- Thước thủy (Nivo) Mitutoyo 960-730 CCX: 0,02mm	20.000.000	
	- Panme	4.000.000	
	- Bơm dầu bằng tay dạng Piston Yato YT-0712-SL	1.500.000	
	- Máy đo độ nhớt dầu thủy lực	20.000.000	
	- Máy đột thủy lực bằng điện	35.000.000	
	- Bộ dụng cụ cơ khí, điện thông thường	20.000.000	
5	An toàn - Vệ sinh lao động	480.000.000	
5.1	Chi phí kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT và chi phí huấn luyện định kỳ	40.000.000	
5.2	Trang phục + Trang bị bảo vệ cá nhân	235.000.000	
5.3	Trang cụ an toàn	40.000.000	Mua bổ sung và thay thế các trang cụ hết hạn sử dụng
5.4	Trang bị tủ sơ cứu y tế cơ quan	15.000.000	
5.5	Thực hiện quy định theo TT 29/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 và đo kiểm môi trường lao động định kỳ	70.000.000	
5.6	Khám sức khỏe định kỳ	60.000.000	
5.7	Chi phí huấn luyện an toàn định kỳ (thuê đơn vị ngoài)	20.000.000	
6	Chi phí PCCC	161.100.000	
6.1	Bảo dưỡng, thí nghiệm và kiểm định định kỳ hệ thống PCCC	62.000.000	
6.2	Huấn luyện và diễn tập PCCC	40.500.000	
6.3	Mua mới thay thế bình bột chữa cháy	20.000.000	
6.4	Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (theo thực tế)	38.600.000	

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
7	Chi phí liên quan đến hồ, đập và phòng chống bão lụt, TKCN:	850.000.000	
7.1	Quan trắc chuyển vị đập chu kỳ 3. - <i>Giá trị được phân bổ cho NMTĐ Đrây H'Linh 2 theo tỷ lệ công suất của 04 NMTĐ cụm Đrây H'Linh</i>	250.000.000	
7.2	Kiểm định an toàn đập lần 3: - <i>Giá trị được phân bổ cho NMTĐ Đrây H'Linh 2 theo tỷ lệ công suất của 04 NMTĐ cụm Đrây H'Linh</i>	250.000.000	
7.3	Phương án Ứng phó với tình huống khẩn cấp năm 2025. - <i>Giá trị được phân bổ cho NMTĐ Đrây H'Linh 2 theo tỷ lệ công suất của 04 NMTĐ cụm Đrây H'Linh</i>	300.000.000	
7.4	Huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Công trình thủy điện Đrây H'Linh 2 năm 2025 - <i>Giá trị được phân bổ cho NMTĐ Đrây H'Linh 2 theo tỷ lệ công suất của 04 NMTĐ cụm Đrây H'Linh</i>	50.000.000	
8	Công tác giám sát và bảo vệ môi trường	198.000.000	
8.1	Giám sát môi trường và xử lý chất thải nguy hại	78.000.000	
8.2	Chi phí vận hành hệ thống xử lý nước rò rỉ dầu	120.000.000	
9	Chi phí biên soạn tài liệu, bồi huấn và tổ chức thi nâng bậc	65.000.000	
10	Điện mua ngoài phục vụ sản xuất	150.000.000	
11	Tổng Quỹ tiền lương kế hoạch, trong đó bao gồm:	14.789.951.000	
11.1	Quỹ Tiền lương Người lao động	11.192.399.000	
11.2	Quỹ Tiền lương của Viên chức quản lý	1.890.000.000	
11.3	Quỹ tiền lương theo chế độ An toàn điện	1.707.552.000	
12	Trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	1.276.221.000	
12.1	BHXH, BHYT và BHTN = $(21,5\% \times 2.650.000 \times 4,34 \times 12 \text{ tháng} \times 32 \text{ người}) + (21,5\% \times 2.650.000 \times 7,13 \times 12 \text{ tháng}) + (21,5\% \times 2.650.000 \times 6,78 \times 12 \text{ tháng}) + (21,5\% \times 2.650.000 \times 6,21 \times 12 \text{ tháng}) + (21,5\% \times 2.650.000 \times 6,08 \times 12 \text{ tháng}) + (21,5\% \times 2.650.000 \times 5,73 \times 12 \text{ tháng})$	1.167.828.000	
12.2	Kinh phí công đoàn (2% x Tổng quỹ lương đóng BHXH)	108.393.000	
13	Công tác phí	380.000.000	
14	Nhiên liệu cho xe đi công tác, phục vụ nhiệm vụ khác, công tác sửa chữa thường xuyên (ước theo số liệu năm trước)	448.600.000	

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
14.1	Xăng 03 xe (trung bình mỗi ngày 180 km x 30 ngày x 12 tháng + Nhiệm vụ khác 700 km/tháng x 12 tháng)	366.000.000	
14.2	Mua bảo hiểm 03 ô tô (theo hợp đồng thực tế)	48.120.000	
14.3	Vé cầu đường: 12 tháng x 400.000đ/tháng	4.800.000	
14.4	Sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng 2 xe ô tô: 12 tháng x 1.500.000 đ/tháng x 02 xe	36.000.000	
15	Nghiep vụ, văn phòng phí (theo số liệu thực tế)	262.400.000	
15.1	Tiền điện thoại cố định của Công ty (4 Máy x 100.000 đồng/tháng x 12 tháng) + cước đường truyền Internet	16.800.000	
15.2	Tiền điện thoại của Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty: 1.000.000 đồng/người/tháng (2 người)	24.000.000	
15.3	Tiền điện thoại của TV HĐQT không điều hành; TV BKS : 400.000 đồng/người/tháng (5 người)	24.000.000	
15.4	Tiền điện thoại của Trưởng BKS, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty, Trưởng phòng, Quản đốc: 500.000 đồng/người/tháng (5 người)	30.000.000	
15.5	Tiền điện thoại của PTP, Phó QĐ: 300.000 đồng/người/tháng (1 người)	3.600.000	
15.6	Văn phòng phẩm: Giấy, bút, mực máy in... (6.000.000đ/tháng x 12 tháng)	72.000.000	
15.7	Bưu kiện, phát chuyển nhanh, tem thư, phong bì (2.000.000 đồng/tháng x 12 tháng)	24.000.000	
15.8	Gia hạn dịch vụ tài khoản phần mềm quản lý công việc 1 năm	48.000.000	
15.9	Tài liệu nghiên cứu	20.000.000	
16	Mua sắm bổ sung và sửa chữa bảo dưỡng trang thiết bị văn phòng	70.000.000	
17	Chi phí tiền ăn giữa ca (35 người x 730.000 đồng/tháng x 12 tháng)	306.600.000	
18	Chi phí cho công tác chứng khoán	157.000.000	
18.1	Phí tư vấn công bố thông tin và CBTT bằng tiếng Anh	62.000.000	
18.2	Phí quản lý công ty niêm yết hàng năm	15.000.000	
18.3	Phí tư vấn làm báo cáo thường niên	20.000.000	
18.4	Phí thực hiện quyền (4 lần x 15.000.000 đồng/lần)	60.000.000	
19	Các công tác khác	1.219.000.000	

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
19.1	Phí chuyển thanh toán tiền	50.000.000	
19.2	Chi phí kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và năm	60.000.000	
19.3	Chi phí thuê Kiểm toán nội bộ (theo thực tế hợp đồng)	45.000.000	
19.3	Chi phí bồi dưỡng nghiệp vụ, học tập	80.000.000	
19.4	Tiếp khách, hội nghị, họp HĐQT	470.000.000	
19.5	Đại hội cổ đông (Mỗi năm 1 lần)	120.000.000	
19.6	Các công tác khác của Ban Điều hành	250.000.000	
19.7	Phí đăng báo, đài	20.000.000	
19.8	Nước uống tại Công ty (25.000 đồng/Bình 20 lít x 80 Bình/tháng x 12 tháng)	24.000.000	
19.9	Chi phí dự phòng cho công tác phòng chống dịch	100.000.000	
20	Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty	486.000.000	
21	Sửa chữa một số TSCĐ khác	285.778.000	
21.1	Sửa chữa nhà máy (Phần xây dựng - Dự kiến thực hiện chống thấm, sơn ...) - Tổng giá trị khái toán: 2.000.000.000 đồng. - Thực hiện phân bổ chi phí trong 36 tháng.	285.778.000	Năm thứ nhất: Dự kiến phân bổ 05 tháng
	TỔNG CỘNG	41.653.315.600	

Số tiền (bằng chữ): Bốn mươi một tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu ba trăm mười lăm nghìn sáu trăm đồng